

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

**Mẫu số B09 - CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ I NĂM 2022*

1

**THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ, ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty mẹ đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC27/KDBH ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.  
Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 03 năm 2022, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 27 người (31 tháng 12 năm 2021: 28 người).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam)
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife
- Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife

2

**CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính quý được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

**Mẫu số B09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ I NĂM 2022*

**2.4** Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**3** TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

**4** TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

**4.1** Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

*Quy định mới đã ban hành và có hiệu lực trong quý 1 năm 2022*

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

1. Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

2. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;

3. Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

**4.2** Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.3** Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đảo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ I NĂM 2022*

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6 Thuế tài sản**

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuế hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuế.

**4.7 Khấu hao**

Khấu hao thiết bị văn phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là từ ba (3) đến năm (5) năm.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ I NĂM 2022*

**4.1** **Trợ cấp thời việc phải trả**

Trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thời việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**4.11** **Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

1. Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

2. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;

3. Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

**4.12** **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ

Mẫu số B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ NĂM 2022

giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình công giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thông báo bởi công ty mẹ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

**Mẫu số B09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ NĂM 2022*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

1. đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
2. công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4.15**

**Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)*

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ I NĂM 2022*

**5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán	32.354.592.856	25.279.124.852
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	434.977.771	156.235.335
- Ngân hàng Citi Bank N.A, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.536.917.111	23.932.333.325
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	4.382.697.974	1.190.556.192
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	13.611.334.889	-
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10.039.002.023	-
- Ngân hàng The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.572.332.866	-
	<b>45.965.927.745</b>	<b>25.279.124.852</b>

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi tại ngân hàng	44.629.956.502	44.626.181.933
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	94.906.670.731	94.906.670.731
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank)	106.407.875.761	114.894.801.069
- Ngân hàng The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.127.117.191	16.543.056.416
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	18.626.539.675	12.220.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	19.999.670.000	-
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<b>301.697.829.860</b>	<b>283.190.710.149</b>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 và được hưởng lãi suất từ 1,96%/năm đến 5,10%/năm.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2022

7	PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục Phải thu hoạt động quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife Phải thu hoạt động quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	17.832.675.455	21.257.089.627
	943.760.663	759.737.273
	290.360.711	288.390.566
	1.170.705.573	1.547.030.131
	20.237.502.402	23.852.247.597
8	CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn Các khoản phải thu khác	4.661.191.539	3.952.272.647
	5.000.000	5.220.000
	4.666.191.539	3.957.492.647
9	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	
	Thiết bị vẫn phòng VND	
Nguyên giá Ngày 1 tháng 1 năm 2022 Mua mới Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết	605.045.280	
	-	
	605.045.280	
	505.562.660	
Giá trị khấu hao lũy kế Ngày 1 tháng 1 năm 2022 Khấu hao trong năm Ngày 31 tháng 03 năm 2022	(546.598.771)	
	(6.071.463)	
	(552.670.234)	
Giá trị còn lại Ngày 1 tháng 1 năm 2022 Ngày 31 tháng 03 năm 2022	58.446.509	
	52.375.046	



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ NĂM 2022*

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số đầu kỳ	705.416.262	455.321.411
Tăng trong kỳ	33.135.500	627.960.000
Phân bổ trong kỳ	(88.476.823)	(377.865.149)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>650.074.939</b>	<b>705.416.262</b>

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Trong kỳ Phải trả VND	Đã nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.536.354.307	8.997.020.000	(6.536.354.307)	8.997.020.000
Thuế thu nhập cá nhân	839.396.576	6.267.517.426	(5.915.895.877)	1.191.018.125
Thuế nhà thầu	180.046.074	86.147.494	(266.193.568)	-
Thuế giá trị gia tăng	109.091	-	-	109.091
	<b>7.555.906.048</b>	<b>15.350.684.920</b>	<b>(12.718.443.752)</b>	<b>10.188.147.216</b>

**12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Triển thưởng	2.160.893.946	8.214.514.000
Chi phí tiếp thị	2.853.000.000	2.031.000.000
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	1.355.090.125	1.864.110.582
Chi phí dịch vụ tư vấn	659.700.000	608.700.000
Thuế nhà thầu phí dịch vụ	524.724.007	405.300.007
Phúc lợi nhân viên	377.860.000	257.500.000
Chi phí phải trả khác	319.339.999	238.339.999
	<b>8.250.608.077</b>	<b>13.619.464.588</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2022

13	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC			
		Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	
	Phải trả các bên liên quan	4.983.137.967	3.869.048.908	
	Tiền thưởng cho quản lý cấp cao	1.024.121.383	2.073.622.874	
	Khác	282.670.012	282.795.823	
		6.289.929.362	6.225.467.605	
14	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU			
		Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND
	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	83.000.000.000	100	83.000.000.000
15	DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
		Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm VND	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	
	Phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	61.552.524.718	37.771.102.119	
	Phí quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife	2.935.365.925	988.683.868	
	Phí quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife	916.441.904	530.583.046	
	Phí thu từ các giao dịch mua/bán chứng chỉ quỹ	3.751.413.726	1.026.117.312	
		69.155.746.273	40.316.486.345	
16	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
		Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm VND	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021 VND	
	Chi phí nhân viên	6.098.232.644	4.776.747.928	
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	676.563.521	481.100.061	
	Thuế văn phòng	201.911.619	169.472.260	
	Chi phí bảo hiểm	68.552.775	53.452.028	
	Chi phí khấu hao	2.101.659	1.553.750	
	Chi phí khác	135.570.474	67.915.059	
		7.182.932.692	5.550.241.086	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

**Mẫu số B09 - CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ I NĂM 2022*

17

**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	2.834.419.640	2.202.834.872
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.690.481
	<b>2.834.419.640</b>	<b>2.204.525.353</b>

18

**CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.538.145.484	5.011.387.941
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	4.495.856.539	977.401.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.049.725.637	1.885.945.506
Chi phí tiếp thị	1.603.995.819	994.350.001
Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	582.541.008	825.219.445
Chi phí dịch vụ IT	587.274.983	-
Thuế văn phòng	381.388.617	387.365.165
Chi phí bảo hiểm	129.488.576	122.176.065
Chi phí khấu hao	3.969.804	3.551.427
Chi phí khác	135.438.146	195.163.159
	<b>14.507.824.613</b>	<b>10.402.560.269</b>

19

**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016. Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.997.020.000	4.817.869.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.073.978.468	518.562.817
	<b>10.070.998.468</b>	<b>5.336.431.817</b>



Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ I NĂM 2022*

**19.1**

**Chi phí Thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất TNDN:

Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm 2021
VND	VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.268.205.959	26.566.911.785
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2021: 20%)	10.053.641.192	5.313.382.357
Điều chỉnh tăng:		
Các khoản phạt	-	259.712
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.357.276	22.789.748
Điều chỉnh giảm:		
Lỗ chuyển sang	-	-
Sử dụng tài sản Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận	-	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	10.070.998.468	5.336.431.817
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN	10.070.998.468	5.336.431.817

**19.2**

**Chi phí Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

**19.3**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
	VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả	1.650.122.000	2.723.892.918	(1.073.770.918)	(526.411.767)
Tờ cấp thời việc	113.962.000	114.169.550	(207.550)	7.848.950
	<b>1.764.084.000</b>	<b>2.838.062.468</b>	<b>(1.073.978.468)</b>	<b>(518.562.817)</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

**Mẫu số B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2022**

**20 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư Trả chi phí thuê văn phòng Trả chi phí dịch vụ	61.552.524.718 583.300.236 512.095.708	37.771.102.119 556.837.425 466.630.317
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	2.935.365.925	988.683.868
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	916.441.904	530.583.046
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ chi hỗ Chi phí dịch vụ IT	43.952.885 528.175.227	- -
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	165.238.493	230.826.765
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản Chi phí dịch vụ chi hỗ	354.819.314 - -	510.638.358 5.548.948
Manulife Data Services Inc.	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ thiết kế Khóa học online về Nội quy lao động	-	11.136.364

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2022

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm Phải thu/ (Phải trả) VND	Số đầu năm Phải thu/ (Phải trả) VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	17.832.675.455	21.257.089.627
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	943.760.663	759.737.273
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	290.360.711	288.390.566
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ IT và chi phí dịch vụ chi hộ	(1.812.094.795)	(1.165.650.550)
Manulife Data Service, Inc	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ thiết kế Khóa học online về Nội quy lao động	(11.143.580)	(11.113.200)
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	(944.741.755)	(775.853.488)
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản và chi phí dịch vụ chi hộ	(2.215.157.837)	(1.916.431.670)

21

TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	10.359.866.166.261	11.553.959.471.166
Quỹ MAFEQI (ii)	49.152.331.989	46.175.955.864
Quỹ MAFBAL (iii)	42.965.571.633	75.049.862.483
Quỹ MAFPF1 (iv)	449.742.378	449.742.378
	<b>10.452.433.812.261</b>	<b>11.675.635.031.891</b>



Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2022**

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm	Năm trước
	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>11.553.959.471.166</b>	<b>1.289.930.018.047</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>8.022.639.150.703</b>	<b>75.864.912.670.069</b>
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	1.228.459.662.980	28.223.884.546.154
Triển thu từ nhà đầu tư ủy thác	3.848.088.643.368	37.235.379.650.384
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	2.946.090.844.355	10.405.648.473.531
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>(9.216.732.455.608)</b>	<b>(65.600.883.216.950)</b>
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(1.574.787.777.171)	(47.961.219.364.366)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(5.688.372.093.023)	(10.900.213.315.944)
Chi phí và tiền giảm khác	(1.953.572.585.414)	(6.739.450.536.640)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.359.866.166.261</b>	<b>11.553.959.471.166</b>

(ii) Quỹ MAFEQI

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 03 năm	Năm trước
	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>46.175.955.864</b>	<b>2.371.034.387</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>671.836.573.968</b>	<b>1.869.430.051.526</b>
Nhận tiền từ bán chứng khoán	51.528.680.865	285.720.195.864
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	198.538.329.414	508.557.618.591
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	421.763.848.637	1.075.118.487.049
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI với vai trò là Đại lý ký danh	5.715.052	33.750.022
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>(668.860.197.843)</b>	<b>(1.825.225.130.049)</b>
Thanh toán mua chứng khoán	(179.806.971.503)	(536.375.334.271)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(66.186.828.670)	(214.007.557.168)
Chi phí và tiền giảm khác	(422.860.682.618)	(1.075.808.488.588)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(5.715.052)	(33.750.022)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>49.152.331.989</b>	<b>46.175.955.864</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2022**

(iii)	Quỹ MAFBAL	Cho kỳ kế toán kết thúc	
		Ngày 31 tháng 03 năm	Năm trước
		VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>		<b>75.049.862.483</b>	<b>8.859.417.725</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>		<b>127.160.893.194</b>	<b>646.768.762.838</b>
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi		30.210.702.610	245.187.696.219
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ		19.564.905.622	129.996.551.062
Tiền lãi, cổ tức, và tiền lãi khác		68.884.448.609	249.012.643.836
Tiền gửi của nhà đầu tư quỹ MAFBAL trong năm với vai trò là Đại lý ký danh (*)		5.285.925.500	20.574.494.600
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh		3.214.910.853	1.997.377.121
<b>Giảm trong kỳ</b>		<b>(159.245.184.044)</b>	<b>(580.578.318.080)</b>
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi		(67.567.102.994)	(284.174.431.934)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(13.828.891.638)	(45.629.170.822)
Chi phí và tiền giảm khác		(67.610.582.059)	(249.940.614.603)
Mua chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh		(7.023.696.500)	(18.836.723.600)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh		(3.214.910.853)	(1.997.377.121)
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>42.965.571.633</b>	<b>75.049.862.483</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty với vai trò là Đại lý ký danh đã nhận các khoản tiền gửi của các nhà đầu tư với số tiền là 5.285.925.500 VND với cùng mục đích là mua chứng chỉ quỹ MAFBAL.

(iv)	Quỹ MAFPF1 (**)	Cho kỳ kế toán kết thúc	
		Ngày 31 tháng 03 năm	Năm trước
		VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>		<b>449.742.378</b>	<b>449.742.378</b>
<b>Giảm trong kỳ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác		-	-
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>449.742.378</b>	<b>449.742.378</b>

(\*\*) Tại ngày lập báo cáo này, Quỹ đã ngừng hoạt động.

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ NĂM 2022

22	DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		VND		VND	
	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	81.035.939.502.894		81.776.975.798.988	
	Quỹ MAFEQI (ii)	709.711.032.450		573.246.980.300	
	Quỹ MAFBAL (iii)	271.309.550.777		233.682.110.140	
		<b>82.016.960.086.121</b>		<b>82.583.904.889.428</b>	

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Chứng khoán vốn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:	12.703.457.221.900		12.245.683.897.550	
VNM	153.614.618.900		258.933.888.000	
SAB	192.534.690.000		216.127.810.000	
VIC	489.877.446.941		165.244.323.172	
VRE	53.679.891.000		158.101.664.700	
PLX	152.983.488.000		155.996.302.000	
VPB	26.315.163.192		115.012.847.016	
VHM	532.537.523.800		114.970.560.000	
HPG	168.962.775.300		103.105.486.400	
PTB	-		91.525.500.000	
VCS	73.143.750.000		72.832.500.000	
TCB	69.999.285.000		57.400.000.000	
GAS	40.534.524.000		40.443.442.000	
FPT	-		29.053.200.000	
SSI	49.978.572.000		26.034.680.000	
VCB	-		22.150.900.640	
DRC	-		17.379.595.000	
VCI	38.063.850.000		14.239.680.000	
DHC	84.059.590.000		13.697.100.000	
CTG	22.562.485.000		12.688.770.000	
ELC	-		12.185.340.000	
DBC	21.165.000.000		11.731.100.000	



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 QUÝ NĂM 2022

BVH	3.075.000	11.203.080.000
VHC	-	10.958.600.000
BHN	8.559.130.000	8.776.735.000
REE	-	7.739.200.000
GIL	-	7.712.000.000
DGC	-	5.420.610.000
OCB	-	4.971.330.000
PNJ	-	2.154.880.000
GDT	1.662.672.000	1.699.120.000
IJC	222.736.800.000	1.302.080.000
KBC	29.969.640.000	1.161.280.000
HVN	59.109.363.000	3.935.500
ROS	1.129.600	2.176.000
HAG	183.400	186,2
PVD	89.433	77.535
CTD	214.191.180.000	-
NVL	116.871.587.100	-
MSB	198.889.620.000	-
MSN	18.102.060.000	-
NLG	13.462.680.000	-
PHR	12.120.000.000	-
STB	55.966.350.000	-
MWG	758.160.000	-
VJC	67.215.200.000	-
KDH	27.624.960.000	-
DXS	13.341.600.000	-
BWE	2.595.000.000	-
Chứng khoán khác	1.656.400	3.458.750
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>62.845.504.988.544</b>	<b>62.536.589.124.960</b>
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VIETGB	9.299.648.280.000	8.217.254.150.000
VDBGB	5.559.724.447.500	3.297.892.800.000
LPBVN	1.219.580.436.060	1.219.598.678.020
HOANMC	914.990.928.000	914.916.050.220
PANGRO	844.967.721.000	844.922.429.000
NALIIN	779.935.632.000	779.977.812.000
CIIVN	704.936.550.000	704.960.026.860
ACBVN	609.787.659.000	609.966.633.000
HPEJSC	529.939.209.360	529.991.043.000

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP HCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2022

REEVN	507.954.127.600	507.973.584.000
HDBVN	499.871.533.500	499.978.626.500
TRUHA1	479.919.312.400	479.988.097.000
MWGVN	479.967.408.000	479.968.992.000
MACHVN	419.954.934.000	419.964.972.000
OCJSBK	334.904.927.000	334.867.943.000
VICVN	299.969.100.000	299.965.320.000
TCSCH	264.933.750.000	264.964.649.000
VHNVN	-	234.164.012.739
BSIVN	119.986.199.600	119.993.666.600
MSNVN	210.676.590.436	-
TNDLWP	109.988.633.700	109.992.666.300
Tiền gửi có kỳ hạn	5.486.977.292.450	6.994.702.776.478
	81.035.939.502.894	81.776.975.798.988

(ii) Quỹ MAFEQI

Chứng khoán vốn	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:	709.711.032.450	573.246.980.300
VIC	23.955.867.600	30.424.677.300
VNM	10.555.983.800	13.589.164.800
VRE	-	12.238.690.100
PLX	-	12.159.840.000
SAB	12.368.610.000	11.746.290.000
OCB	6.200.140.000	7.603.050.000
VHC	-	6.964.520.000
LUC	8.050.900.000	5.558.880.000
BWE	-	3.908.190.000
BVH	-	3.813.600.000
PTB	-	3.286.800.000
VSC	-	2.971.180.500
CTD	9.717.960.000	-
MSB	12.948.920.000	-
VND	8.267.940.000	-
VHM	42.336.725.600	-
VCI	4.325.310.000	-
VJC	3.467.540.000	-
Chứng khoán khác	754.400	2.345.550
	709.711.032.450	573.246.980.300

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM  
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2022**

(iii) Quỹ MAFBAL

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>153.824.992.250</b>	<b>154.731.496.900</b>
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VHM	-	12.850.220.000
VIC	3.781.808.800	4.429.187.400
CTG	-	3.311.419.800
GAS	-	3.174.600.000
VNM	-	3.049.920.000
GVR	2.720.000	2.840.716.000
VHC	-	2.179.160.000
DGC	-	1.758.900.000
DBC	-	1.679.000.000
VTP	-	1.426.770.000
CTG	6.284.980.900	
VHM	11.878.618.000	
MSB	3.065.780.000	
IJC	2.124.980.000	
OCB	2.062.480.000	
VND	1.844.640.000	
CTD	2.337.720.000	
DXS	820.800.000	-
Chứng khoán khác	49.800	46.300
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>53.570.895.513</b>	<b>32.300.263.552</b>
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
MSNVN	19.981.657.600	-
VIDIRE	21.503.392.901	-
VHMVN	-	12.060.315.552
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>63.913.663.014</b>	<b>46.650.349.688</b>
	<b>271.309.550.777</b>	<b>233.682.110.140</b>



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ NĂM 2022

23 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi	1.067.852.423.471	1.067.762.215.307
Phải thu bán chứng khoán	34.308.919.310	3.550.999.499
	<b>1.102.161.342.781</b>	<b>1.071.313.214.806</b>

24 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí khác	3.490.075.839	3.491.505.872
Phải trả tiền mua chứng khoán	63.421.895.359	30.751.633.362
	<b>66.911.971.198</b>	<b>34.243.139.234</b>

25 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuế văn phòng theo hợp đồng thuế hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	1.592.242.221	2.147.961.260
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	68.952.990	96.534.186
	<b>1.661.195.211</b>	<b>2.244.495.446</b>

26

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Mẫu số B09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ I NĂM 2022*

**26.1**

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản dương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam và các khoản nợ tài chính bằng ngoại tệ chỉ phát sinh với các bên liên quan và có giá trị không trong yếu.

**26.2**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**26.3**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

**Mẫu số B09 - CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ I NĂM 2022*

	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.965.927.745	-	-	-	45.965.927.745
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	81.026.877.686	220.670.952.174	-	-	301.697.829.860
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	20.237.502.402	-	-	-	20.237.502.402
Các khoản phải thu khác	1.479.879.308	3.181.312.231	-	-	4.661.191.539
	<b>148.710.187.141</b>	<b>223.852.264.405</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>372.562.451.546</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	4.983.137.967	-	-	4.983.137.967
Chi phí phải trả	5.564.990.124	524.724.007	-	-	6.089.714.131
	<b>5.564.990.124</b>	<b>5.507.861.974</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.072.852.098</b>

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.279.124.852	-	-	-	25.279.124.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	84.702.656.299	198.488.053.850	-	-	283.190.710.149
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	23.852.247.597	-	-	-	23.852.247.597
Các khoản phải thu khác	1.563.028.668	2.389.243.979	-	-	3.952.272.647
	<b>135.397.057.416</b>	<b>200.877.297.829</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>336.274.355.245</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.869.048.908	-	-	3.869.048.908
Chi phí phải trả	4.999.650.581	405.300.007	-	-	5.404.950.588
	<b>4.999.650.581</b>	<b>4.274.348.915</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.273.999.496</b>

**27 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.965.927.745	25.279.124.852	45.965.927.745	25.279.124.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	301.697.829.860	283.190.710.149	301.697.829.860	283.190.710.149
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	20.237.502.402	23.852.247.597	20.237.502.402	23.852.247.597
Các khoản phải thu khác	4.661.191.539	3.952.272.647	4.661.191.539	3.952.272.647
	<b>372.562.451.546</b>	<b>336.274.355.245</b>	<b>372.562.451.546</b>	<b>336.274.355.245</b>

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ I NĂM 2022

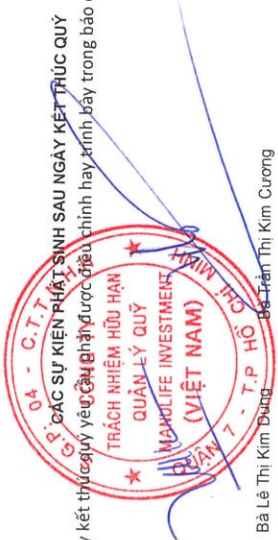
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.983.137.967	3.869.048.908	4.983.137.967	3.869.048.908
	Chi phí phải trả	6.089.714.131	5.404.950.588	6.089.714.131	5.404.950.588
		<b>11.072.852.098</b>	<b>9.273.999.496</b>	<b>11.072.852.098</b>	<b>9.273.999.496</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

28

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc quý yêu cầu thay đổi điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng

Đã Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2022

